

Bản án số: **06/2022/HS - ST**
Ngày: 19/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng.
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022. Tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2021/TLST - HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức H, Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: Tổ dân phố 6, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/12. Con ông: Nguyễn Tiến H, sinh năm 1959; Con bà: Nguyễn Thị L; Sinh năm 1962. Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 7 anh em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Quyết định số 012331/QĐ-XPHC ngày 12/11/2021 của Công an thị trấn H, huyện Đại Từ xử phạt Nguyễn Đức H 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Đại Từ. *Có mặt tại phiên tòa.*

* **Người bị hại:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1998 (*Vắng mặt có lý do*).

Trú quán: TDP 6, TT H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

* **Người có QLVNQL:** Anh Đỗ Xuân H1, sinh 1985 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Tổ 5, P. T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

* **Người làm chứng: 1.** Anh Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1996 (*Vắng mặt*).

Trú quán: TDP 6, TT H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1997 (*Vắng mặt*).

Trú quán: TDP 6, TT H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, lười lao động nên khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 11/11/2021, H một mình đi bộ quanh khu vực thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, mục đích xem có ai sơ hở trong quản lý tài sản thì trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng. Khi H đi đến cổng nhà anh Trần Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn H, huyện Đại Từ, thấy cửa cổng nhà anh Đ không khóa, cửa trong nhà chỉ khép hờ. H đi vào trong sân nhà anh Đ, nhìn qua khe cửa vào trong nhà phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave A, màu sơn đen, bạc chưa gắn biển kiểm soát để ở trong phòng khách nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. H đi vào trong nhà anh Đ, thấy chìa khóa xe mô tô vẫn cắm ở ổ khóa điện, H dắt xe mô tô đi ra ngoài sân, nổ máy rồi điều khiển chiếc xe mô tô đi đến gầm cầu Huy Ngạc, thị trấn H, huyện Đại Từ, sau đó H kiểm tra trong cốp xe mô tô có giấy biên nhận, giấy bảo hành và phiếu thu tiền đều mang tên anh Đ và ngủ qua đêm tại đó. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/11/2021 H điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng mua bán, trao đổi xe ga, xe số của anh Đỗ Xuân H1, sinh năm 1985, trú tại tổ 5, phường T, thành phố Thái Nguyên để cầm cố chiếc xe mô tô trên. H gặp anh H1 và giới thiệu tên là Trần Văn Đ. H đề nghị vay của anh H1 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô cùng giấy tờ mua xe để làm tin và hứa 03 ngày sau sẽ quay lại lấy xe và trả cho anh H1 4.500.000 đồng. Đồng thời, H còn viết 01 giấy bán xe mô tô, nếu sau 03 ngày H không đến trả tiền thì chiếc xe mô tô trên sẽ thuộc về anh H1 nên anh H1 đồng ý và đưa 3.000.000 đồng cho H. Sau khi vay được tiền, H đi xe taxi về thị trấn H, huyện Đại Từ hết 300.000 đồng. Sau đó H xuống xe đi đến khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ mua 500.000 đồng ma túy của một người đàn ông không quen biết và sử dụng hết. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, H được Công an thị trấn H, huyện Đại Từ triệu tập đến làm việc và đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp số tiền cầm cố xe còn lại là 2.200.000 đồng.

Về phía anh Trần Văn Đ, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an thị trấn H, huyện Đại Từ đề nghị xem xét giải quyết.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô Honda Wave A, sơn màu đen bạc, chưa gắn BKS: xxxx
Tại kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: Chiếc xe mô tô Honda, Wave A màu sơn đen bạc, chưa gắn biển kiểm soát, mua mới ngày 04/11/2021 tại thời điểm tháng 11/2021 có giá 20.500.000 đồng. Ngày 30/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đ quản lý, sử dụng.

+ 2.200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hiện đang được bảo quản tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

Về phần trách nhiệm dân sự: Anh Đ đã nhận lại tài sản của mình không có yêu cầu đề nghị gì đối với H. Do H chưa trả nên anh Đỗ Xuân H1 đề nghị H phải trả lại số tiền 3000.000 đồng mà H đã vay.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSĐT ngày 31/12/2021, VKS nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức H mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, do anh H1 yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 3000.000đ nên cần được tạm giữ số tiền thu giữ của bị cáo là 2.200.000đ để đảm bảo thi hành án và buộc bị cáo phải hoàn trả anh H1 3000.000đ. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng; buộc bị cáo chịu án phí HSST và DSST.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những tài liệu chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; VKS nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức H khai nhận. Khoảng 15 giờ ngày 11/11/2021 tại nhà ở của anh Trần Văn Đ thuộc tổ dân phố 6, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Đức H đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave A, sơn màu đen bạc, chưa gắn BKS của anh Đ có giá trị 20.500.000 đồng đem đi cầm cố được 3000.000đ để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh Đ quản lý, sử dụng.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật nhưng là đối tượng nghiện chất ma túy. Bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. VKS nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 BLHS quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, thường xuyên đi tìm sự sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, gây bức xúc và bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, bị cáo đã chiếm đoạt hoàn thành chiếc xe moto của anh Trần Văn Đ có giá trị 20.500.000đ đem đi cầm cố lấy 3000.000đ để mua ma túy sử dụng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i,s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đầy đủ nhận thức các việc làm đúng sai của bản thân. Tuy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện chất ma túy, ngày 12/11/2021 đã bị Công an TT H xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Thể hiện bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy, mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện chất ma túy, có nhân thân xấu, đến nay cũng chưa bồi thường khắc phục được hậu quả cho người có QLNVLQ ... Vì vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX cần có mức hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo tính dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy không cần thiết áp dụng đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án + Trách nhiệm dân sự có liên quan:

+ Số tiền 2.200.000đ thu giữ của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Anh Trần Văn Đ đã được nhận lại đầy đủ tài sản, đến nay không còn yêu cầu nào khác. HĐXX không xem xét.

+ Số tiền 3000.000đ bị cáo được anh Đỗ Xuân H1 cho cầm cố. Xét thấy, cần buộc bị cáo phải thanh toán hoàn trả cho anh H1.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST+ DSST sung quỹ Nhà nước.

[9]. Các nội dung có liên quan khác:

Liên quan đến vụ án, anh Đỗ Xuân H1 có hành vi cầm cố chiếc xe mô tô do H trộm cắp để cho vay số tiền 3.000.000 đồng; Nguyễn Đức H khai, sau khi có tiền đã mua ma túy của một người đàn ông không quen biết tại khu vực cổng Bệnh viện huyện Đại Từ. Quá trình điều tra, xác định anh H1 không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có và không xác minh được lai lịch địa chỉ của người đàn ông bán ma túy cho H nên cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét xử lý đối với anh H1 và người đàn ông trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Đức H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đức H 18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2021.

Áp dụng: Điều 329 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đức H.

* **Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn Đức H có trách nhiệm thanh toán hoàn trả cho anh Đỗ Xuân H1 số tiền 3000.000đ (ba triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lại đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm ngàn đồng) nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ - VKSDT ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000đ án phí DSST sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh; Sở tư pháp tỉnh;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- THADS + THAHS Đại Từ;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- UBND TT H;
- Lưu hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên